

Thứ tư, ngày 5 tháng 5 năm 2021

Vietnam Daily Review

Vượt trở lại trên ngưỡng 1250

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/5/2021		•	
Tuần 3/5-7/5/2021		•	
Tháng 5/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều và hiện đã trở lại trên ngưỡng 1255. Dòng tiền đầu tư gia tăng với 18/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên hôm trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ gặp áp lực chốt lời ngắn hạn tại khu vực 1260-1280 khi đây là khu vực đỉnh lịch sử của chỉ số.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: HDB_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+14.23** điểm, đóng cửa **1256.43**. HNX-Index **+3.22** điểm, đóng cửa **280.93**.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+2.48)**; **VCB (+2.08)**; **VIC (+1.26)**; **HDB (+0.82)**; **VPB (+0.72)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.26)**; **VIB (-0.14)**; **SAB (-0.13)**; **ABS (-0.08)**; **TCM (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,017** tỷ đồng, **+1.2%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,209 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 21.24 điểm. Thị trường có **330** mã tăng, 33 mã tham chiếu và **93** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-779.63** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-190.8 tỷ)**, **VRE (-187.9 tỷ)** và **CTG (-172.8 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **15.51** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1256.43**
Giá trị: 19017.46 tỷ **14.23 (1.15%)**
Khối ngoại (ròng): -779.63 tỷ

HNX-INDEX **280.93**
Giá trị: 2711.28 tỷ **3.22 (1.16%)**
Khối ngoại (ròng): 15.51 tỷ

UPCOM-INDEX **80.66**
Giá trị: 832.3 tỷ **0.8 (1%)**
Khối ngoại(ròng): 22.06 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	66.6	1.32%
Giá vàng	1,776	-0.15%
Tỷ giá USD/VND	23,061	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,648	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	21,099	0.04%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	28.05%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-4.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	115.1	HPG	-190.8
STB	48.6	VRE	-187.9
VCB	43.6	CTG	-172.8
NKG	21.1	MSB	-110.0
FUEVFN	19.2	VCI	-89.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 5/5

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	66.44	1.14%	4.00%	13.20%	101.64%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	69.67	1.15%	4.30%	12.70%	90.62%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	217.30	1.01%	4.80%	11.10%	110.32%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1781.99	0.16%	0.00%	3.10%	2.20%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.61	0.40%	1.60%	7.00%	60.22%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1538.50	0.02%	1.60%	9.50%	84.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	723.75	-0.41%	0.10%	18.00%	36.11%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.07	0.16%	-0.70%	3.40%	21.70%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	225.79	1.14%	2.80%	3.30%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.12	2.33%	-3.50%	16.30%	51.50%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	140.35	0.07%	-3.80%	13.60%	22.42%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9966.00	1.44%	2.20%	13.60%	94.53%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	836.77	0.05%	3.60%	12.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	884.80	-0.37%	3.30%	11.90%			
Nhôm	USD/ton	2428.00	1.29%	1.00%	8.80%	63.72%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	171.20	-1.99%	1.40%	17.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	90.40	-0.55%	4.10%	4.00%	43.95%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 1.32 USD (1.95%) lên 68.88 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.2 USD (1.86%) lên 65.69 USD/thùng. Dầu giảm nhẹ bởi áp lực chốt lời sau khi tăng khá tích cực hơn 1% tại ngày đầu tuần.
- Giá dầu đang được hỗ trợ tích cực bởi triển vọng nhu cầu nhiên liệu tăng lên khi các bang New York, New Jersey và Connecticut mở cửa trở lại và EU có kế hoạch mở cửa cho những du khách nước ngoài đã được tiêm chủng.
- Dữ liệu từ Viện Dầu mỏ Mỹ (API) công bố cho thấy tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần kết thúc vào 30/4 đã giảm 7.7 triệu thùng; tồn trữ xăng giảm 5.3 triệu thùng và tồn trữ sản phẩm chưng cất giảm 3.5 triệu thùng

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.9% xuống 1,776.73 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.9% xuống 1,776 USD/ounce.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 0.1 US cent (0.1%) lên 1.4035 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London tăng 18 USD, tương đương 1.2%, lên 1,474 USD / tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn tăng 0.39 US cent (2.3%) lên 17.12 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London tăng 1.4 USD, hay 0.3% lên 449.80 USD/tấn. Dòng tiền mua vào tăng do lo ngại về tình hình sản xuất đường ở khu vực Trung Nam Brazil do thời tiết những tháng gần đây khô hạn ảnh hưởng đến sự phát triển của cây mía.

	5/5	% 5/5	4/5	% 4/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1256.43	1.15%	1242.20	0.23%	3.34%	5.45%
S&P 500			4164.66	-0.67%	-0.53%	3.60%
HĐTL S&P500	4172.00	0.33%	4158.30	-0.66%	-0.10%	2.56%
Shang- hai	3446.86	-0.81%	3474.90	0.52%	-0.79%	-0.28%
Euro Stoxx	3973.17	1.23%	3924.80	-1.89%	-1.04%	0.69%

Phân tích kỹ thuật

HDB_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: HDB đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại sau giai đoạn tích lũy trung hạn dưới ngưỡng 28 vào những tháng đầu năm nay. Thanh khoản tăng cao trong phiên hôm nay đã giúp cổ phiếu đóng cửa sát mức giá trần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của HDB nằm tại khu vực xung quanh 28.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 33.3, cắt lỗ nếu ngưỡng 25.3 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

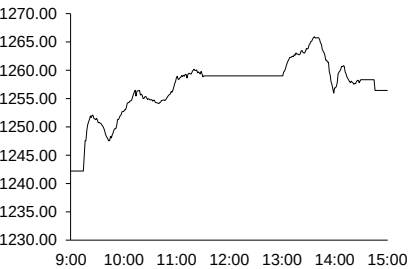
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-0.46%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.17%
Y tế	0.23%
Công nghệ Thông tin	0.26%
Thực phẩm và đồ uống	0.31%
Ô tô và phụ tùng	0.39%
Bất động sản	0.50%
Hóa chất	0.54%
Bán lẻ	0.66%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.83%
Bảo hiểm	0.87%
Xây dựng và Vật liệu	1.08%
Du lịch và Giải trí	1.20%
Viễn thông	1.72%
Ngân hàng	2.06%
Dịch vụ tài chính	2.39%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.40%
Truyền thông	2.86%
Dầu khí	3.83%

Hình 1

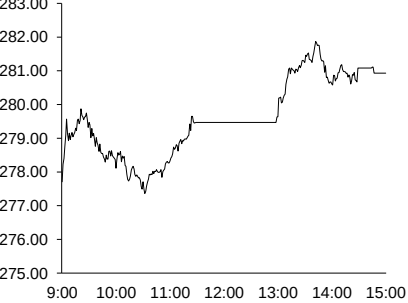
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	33	1	3.13%	Có thể tiếp tục mua
4/29/2021	NLG	36.3	41.5	34	38.4	6	5.79%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.6	7	0.28%	Có thể tiếp tục mua
4/20/2021	HAX	24.15	28	21	25.55	15	5.80%	Có thể tiếp tục mua
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	59.3	19	8.61%	Có thể tiếp tục mua
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	27.6	20	8.88%	Có thể tiếp tục mua
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	45.95	23	9.02%	Cân nhắc không mua thêm (**)
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	82.9	26	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	35.1	36	3.69%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.65	72	-3.87%	Cân nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:

(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt

(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
4/22/2021	HII	22	24.2	21.4	TP	6	10.00%
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	SL	7	-7.38%
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	SL	8	-7.08%
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	SL	14	-14.46%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	SL	21	-13.29%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất

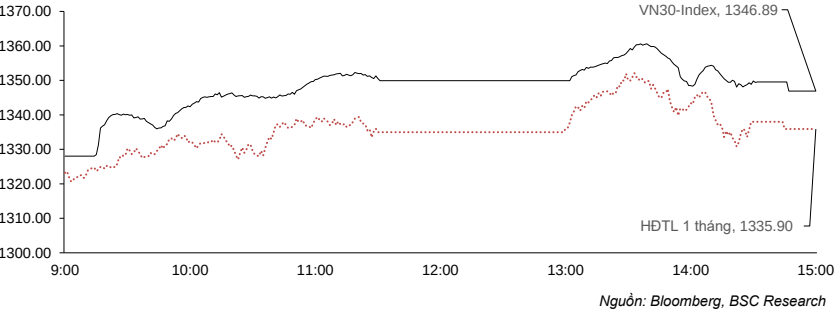
TP - Đã chốt lời
SL - Đã cắt lỗ

FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	1	5.13%	-3.87%	4.23%	23
Cổ phiếu đã chốt	133	82	13.32%	-8.06%	5.17%	28

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1335.90	1.20%	-10.99	15.6%	224,033	5/20/2021	17
VN30F2106	1332.50	-0.06%	-14.39	15.7%	657	6/17/2021	45
VN30F2109	1332.00	1.07%	-14.89	-32.2%	101	9/16/2021	136
VN30F2112	1329.00	1.22%	-17.89	-1.7%	57	12/16/2021	227

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh +18.86 điểm, lên 1346.89 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VCB, GAS, HDB, VPB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch tăng tích cực lên quanh 1360 điểm, trước khi thu hẹp biên độ tăng về cuối phiên xuống quanh 1345 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng trong những phiên tiếp theo

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2102	7/6/2021	62	2:1	532,100	34.82%	2,300	8,080	20.24%	5,166	1.56	57,200	48,000	45,950
CVRE2103	8/9/2021	96	4:1	759,300	33.57%	1,300	2,960	18.40%	542	5.47	37,200	32,000	31,600
CMBB2101	7/6/2021	62	2:1	647,700	32.65%	1,600	6,550	15.93%	3,007	2.18	29,200	26,000	31,700
CTCB2103	8/9/2021	96	2:1	575,800	34.82%	2,900	9,000	14.65%	5,547	1.62	41,300	35,500	45,950
CTCB2101	10/5/2021	153	1:1	290,400	34.82%	5,000	18,300	12.27%	5,942	3.08	36,000	31,000	45,950
CTCB2012	7/30/2021	86	1:1	622,900	34.82%	5,400	24,320	11.76%	24,195	1.01	27,400	22,000	45,950
CSTB2103	8/9/2021	96	2:1	483,500	41.85%	1,400	6,970	9.76%	3,523	1.98	20,800	18,000	24,700
CMBB2010	6/14/2021	40	1:1	242,200	32.65%	4,600	16,000	4.58%	15,783	1.01	20,600	16,000	31,700
CVPB2015	7/30/2021	86	1:1	374,800	37.45%	5,600	35,500	4.41%	34,889	1.02	31,600	26,000	60,600
CVPB2103	8/9/2021	96	2:1	255,000	37.45%	2,700	13,000	4.00%	12,281	1.06	41,900	36,500	60,600
CSTB2010	6/11/2021	37	2:1	640,800	41.85%	1,100	6,310	3.44%	6,379	0.99	14,199	11,999	24,700
CSTB2014	6/14/2021	40	1:1	527,200	41.85%	3,800	12,680	3.09%	12,762	0.99	15,800	12,000	24,700
CNVL2003	6/11/2021	37	10:1	1,074,100	28.79%	1,000	7,080	1.87%	6,933	1.02	73,979	63,979	133,000
CHPG2103	7/6/2021	62	2:1	338,200	32.93%	3,900	11,900	0.76%	8,824	1.35	49,800	42,000	59,300
CHPG2105	8/9/2021	96	2:1	291,700	32.93%	3,000	13,700	0.44%	8,937	1.53	48,000	42,000	59,300
CVRE2013	7/30/2021	86	1:1	336,000	33.57%	5,000	8,400	0.12%	4,866	1.73	32,500	27,500	31,600
CHPG2018	5/14/2021	9	4:1	1,273,300	32.93%	1,200	7,350	-1.47%	7,334	1.00	34,799	29,999	59,300
CSTB2102	6/4/2021	30	1:1	346,000	41.85%	2,000	8,000	-2.44%	6,773	1.18	20,000	18,000	24,700
CFPT2016	6/22/2021	48	5:1	356,800	28.80%	2,580	7,650	-3.16%	6,642	1.15	62,900	50,000	82,900
Tổng				9,967,800	35.28%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 5/5/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao tăng mạnh.

• CVHM2105 và CVNM2104 tăng mạnh lần lượt là 56.29% và 46.32%. Giá trị giao dịch tăng 35.66%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.39% thị trường.

• CHPG2026, CSTB2014, CSTB2010, CSTB2007, và CHPG2018 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2003, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CHPG2020, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	45.95	5.88	7.12
HDB	29.05	6.80	2.53
VPB	60.60	1.85	2.15
STB	24.70	2.49	1.26
VCB	101.20	2.12	1.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	59.3	-0.84	-1.12
PDR	72.3	-0.96	-0.17
KDH	36.6	-1.08	-0.16
TCH	22.5	-0.22	-0.01
FPT	82.9	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	140.9	1.1%	1.0	2,913	6.5	9,051	15.6	4.1	50.0%	28.4%	
PNJ	Bán lẻ	97.0	1.9%	1.0	959	2.4	4,974	19.5	3.8	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	56.3	1.3%	1.5	1,817	2.0	2,548	22.1	2.1	27.3%	7.1%	
PVI	Bảo hiểm	32.8	0.6%	0.5	319	0.0	3,809	8.6	1.0	54.3%	12.2%	
VIC	Bất động sản	133.7	0.1%	0.7	19,662	7.4	2,174	61.5	5.6	14.6%	9.0%	
VRE	Bất động sản	31.6	1.0%	1.1	3,122	10.2	1,175	26.9	2.4	30.3%	9.3%	
VHM	Bất động sản	99.6	0.4%	1.1	14,245	12.4	7,874	12.6	3.6	22.5%	33.6%	
DXG	Bất động sản	23.1	0.7%	1.3	519	4.5	(61)		1.8	33.5%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	33.6	2.1%	1.4	944	14.9	2,776	12.1	2.1	46.1%	13.1%	
VCI	Chứng khoán	64.0	2.9%	1.0	461	7.6	5,703	11.2	2.2	24.3%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	31.9	1.9%	1.5	423	3.8	2,462	13.0	2.0	47.1%	16.4%	
FPT	Công nghệ	82.9	0.0%	0.9	2,844	7.9	4,718	17.6	3.9	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	76.8	-0.3%	0.4	914	0.1	5,165	14.9	4.5	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	85.5	2.6%	1.3	7,115	3.4	3,946	21.7	3.2	2.6%	14.9%	
PLX	Dầu khí	50.9	2.5%	1.5	2,753	3.0	723	70.4	2.9	16.1%	4.5%	
PVS	Dầu khí	21.6	9.6%	1.6	449	10.6	1,306	16.5	0.9	8.4%	5.1%	
BSR	Dầu khí	16.0	11.9%	0.8	2,157	13.3	(909)	N/A	N/A	1.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	103.0	0.3%	0.4	586	0.1	5,647	18.2	3.6	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	18.9	1.1%	0.7	322	0.7	1,928	9.8	0.9	14.8%	9.4%	
DCM	Hóa chất	16.3	2.2%	0.6	374	1.2	1,122	14.5	1.3	3.4%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	101.2	2.1%	1.1	16,319	8.0	5,709	17.7	3.7	23.4%	22.8%	
BID	Ngân hàng	41.9	1.5%	1.3	7,327	4.3	2,048	20.5	2.1	16.8%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	43.4	0.8%	1.3	7,018	42.2	4,765	9.1	1.8	26.0%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	60.6	1.8%	1.2	6,468	57.4	4,626	13.1	2.7	22.7%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	31.7	1.4%	1.2	3,857	35.9	3,612	8.8	1.7	22.9%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	35.3	2.5%	0.9	3,318	25.2	3,992	8.8	2.0	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	59.6	0.8%	0.7	212	0.2	6,160	9.7	2.0	81.5%	20.3%	
NTP	Nhựa	37.6	3.6%	0.5	193	0.6	3,988	9.4	1.6	19.0%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	19.6	1.6%	0.7	937	0.5	39	502.6	1.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	59.3	-0.8%	1.1	8,543	59.7	5,476	10.8	3.0	30.3%	31.3%	
HSG	Thép	33.5	-0.3%	1.3	648	16.9	5,262	6.4	1.8	7.6%	34.2%	
VNM	Tiêu dùng	92.0	0.4%	0.7	8,360	15.2	4,682	19.7	6.1	55.4%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	160.4	-0.5%	0.8	4,472	1.5	7,561	21.2	5.2	63.0%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	96.0	0.1%	1.0	4,903	7.1	1,281	74.9	7.0	32.8%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	20.0	1.0%	1.2	535	2.3	1,131	17.6	1.6	8.3%	7.4%	
ACV	Vận tải	72.9	2.8%	0.8	6,900	0.4	577	126.3	4.2	3.4%	3.4%	
VJC	Vận tải	124.5	0.4%	1.1	2,932	2.7	132		4.4	19.1%	0.5%	
HVN	Vận tải	28.0	2.6%	1.7	1,727	0.7	(9,327)		6.3	9.2%	-89.3%	
GMD	Vận tải	35.1	3.5%	1.0	460	5.1	1,246	28.2	1.8	38.8%	5.8%	
PVT	Vận tải	17.3	6.5%	1.3	243	2.8	2,281	7.6	1.1	12.5%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	92.3	3.4%	1.0	642	1.6	8,479	10.9	3.5	3.9%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	34.4	-1.4%	0.4	671	0.8	1,604	21.4	2.3	6.6%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.5	1.9%	0.9	274	0.4	1,566	10.5	1.2	3.1%	11.0%	
CTD	Xây dựng	62.6	0.6%	1.0	202	1.4	3,352	18.7	0.6	44.9%	3.8%	
CII	Xây dựng	20.5	2.3%	0.5	212	2.6	56	364.6	1.0	30.5%	5.1%	
REE	Điện	52.8	1.3%	-1.4	709	0.8	5,770	9.2	1.4	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	26.2	2.5%	-0.4	217	1.1	2,371	11.0	1.3	11.2%	13.8%	
POW	Điện	12.7	5.4%	0.6	1,293	6.1	1,037	12.2	1.0	3.5%	8.6%	
NT2	Điện	20.8	0.5%	0.5	260	0.2	1,872	11.1	1.5	15.3%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	37.7	0.4%	1.1	770	7.4	1,639	23.0	1.7	22.0%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	56.2	0%	0.9	2,529	0.1			3.6	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	45.95	5.88	2.38	25.40MLN
VCB	101.20	2.12	2.08	1.74MLN
GAS	85.50	2.64	1.12	889400
HDB	29.05	6.80	0.79	14.76MLN
VPB	60.60	1.85	0.72	20.79MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-0.44	23.75MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.14	248600	607060
TCM	-0.01	-0.13	134900	373600
VIB	0.00	-0.12	1.07MLN	192700
ABS	-0.01	-0.09	3900	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	6.42	7.00	0.06	13.67MLN
VOS	3.98	6.99	0.01	1.16MLN
AMD	7.52	6.97	0.02	5.49MLN
AAT	17.65	6.97	0.01	564900
HAS	16.90	6.96	0.00	14400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCM	101.40	-6.97	-0.13	134900
ABS	56.30	-6.94	-0.09	3900
QBS	3.28	-6.29	0.00	623400.00
VIX	30.00	-5.51	-0.06	8.92MLN
HOT	29.00	-5.23	0.00	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.60	9.64	0.66	11.57MLN
VND	38.50	3.77	0.34	9.87MLN
IDC	33.90	3.99	0.31	1.60MLN
SHS	28.50	3.26	0.26	6.72MLN
SHB	26.40	0.38	0.20	18.58MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTI	27.40	-5.52	-0.05	600
DL1	12.00	-4.76	-0.04	2100
API	25.70	-5.86	-0.03	429600
SGC	73.00	-9.88	-0.03	100
GMX	26.70	-9.18	-0.02	1100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

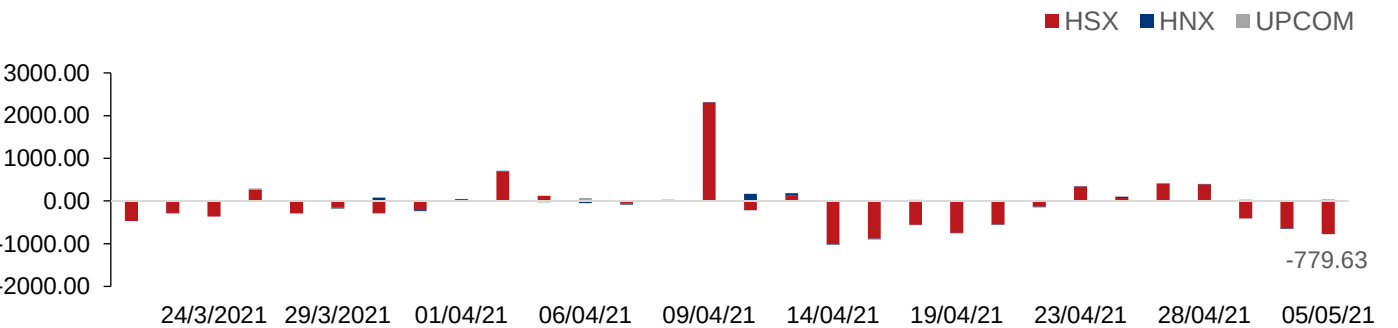
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	26.50	10.0	0.00	100
ART	10.00	9.9	0.13	4.77MLN
ECI	16.70	9.9	0.00	100
MAS	35.70	9.9	0.01	1000
SCI	46.90	9.8	0.06	699400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GDW	28.80	-10.00	-0.01	200
SGC	73.00	-9.88	-0.03	100
SGD	9.30	-9.71	0.00	1900
V21	5.60	-9.68	-0.01	4500
ALT	12.20	-9.63	-0.01	2400

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.3	1,400	11.6	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.3	3,992	8.8	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.9	577	126.3	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.0	3,834	7.3	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	43.4	4,765	9.1	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	56.0	13,880	4.0	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	75.0	6,330	11.8	2.7	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	117.2	7,653	15.3	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.9	1,928	9.8	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	26.5	2,379	11.1	1.8	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	23.1	-61		1.8	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	82.9	4,718	17.6	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	35.1	1,246	28.2	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.9	7,082	5.9	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	59.3	5,476	10.8	3.0	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	33.5	5,262	6.4	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.5	1,566	10.5	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.7	1,639	23.0	1.7	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	36.6	2,140	17.1	2.5	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	21.3			1.6	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.0	3,258	10.7	1.3	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	96.0	1,281	74.9	7.0	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	140.9	9,051	15.6	4.1	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	38.4	4,008	9.6	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	51.9	7,080	7.3	2.2	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.3	2,120	11.9	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	97.0	4,974	19.5	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	12.7	1,037	12.2	1.0	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.8	0	128.7	0.6	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	21.6	1,306	16.5	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	160.4	7,561	21.2	5.2	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.0	1,131	17.6	1.6	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	46.0	4,074	11.3	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	101.2	5,709	17.7	3.7	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	41.4	4,166	9.9	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	15.0	570	26.3	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.2	3,837	9.4	1.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	92.0	4,682	19.7	6.1	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	99.6	7,874	12.6	3.6	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.3	1,091	23.1	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.2	600	17.0	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	127.0	9,476	13.4	6.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.6	4,626	13.1	2.7	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.6	1,175	26.9	2.4	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	85.5	4,060	21.1	5.9	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639